

Tổng hợp các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán NSĐP từ năm 2020 trở về trước chưa thực hiện
(Kèm theo Công văn số 4058/ STC-QLNS ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính)

stt	Đơn vị	Năm 2019 trở về trước		Năm 2020		Tổng cộng
		Chi thường xuyên	Chi Đầu tư	Chi thường xuyên	Chi Đầu tư	
1	Huyện Tánh Linh	10,297,306,159	0	7,436,104,291	200,992,622	17,934,403,072
	Giảm cấp thanh toán khoản chi sai chế độ DA trường Mẫu giáo Hoa Phượng (Kiểm toán NSĐP năm 2018)	98,014,159				98,014,159
	Giảm cấp thanh toán khoản chi sai chế độ DA Hội trường Tánh Linh (Kiểm toán NSĐP năm 2018)	634,392,000				634,392,000
	Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí (Kiểm toán NSĐP năm 2018)	1,382,750,000				1,382,750,000
	Giảm dự toán giảm thanh toán năm sau (Kiểm toán NSĐP năm 2018)	8,182,150,000				8,182,150,000
	Thu hồi kinh phí thừa (Kiểm toán NSĐP năm 2020)			683,597,600		683,597,600
	Giảm dự toán giảm thanh toán năm sau (Kiểm toán NSĐP năm 2020)			6,752,506,691	16,885,475	6,769,392,166
	Giảm giá trị hợp đồng (Kiểm toán NSĐP năm 2020)				33,785,650	33,785,650
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSĐP năm 2020)				150,321,497	150,321,497
2	Huyện Hàm Thuận Nam	7,350,807,210	0	47,857,211	49,337,752	7,448,002,173
	Giảm dự toán giảm thanh toán năm sau (KTNS năm 2018)	7,350,807,210				7,350,807,210
	Giảm dự toán giảm thanh toán năm sau (KTNS năm 2020)				49,337,752	49,337,752
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSĐP năm 2020)			47,857,211		47,857,211
3	Huyện Bắc Bình	2,964,201,964	0	50,735,005,083	1,806,840,683	55,506,047,730
	Giảm dự toán giảm thanh toán năm sau (Kiểm toán NSĐP năm 2018)	2,964,201,964				2,964,201,964
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSĐP năm 2020)			806,600,232		806,600,232
	Thu hồi kinh phí thừa (Kiểm toán NSĐP năm 2020)			35,398,089,645		35,398,089,645
	Thu hồi nộp khác (Kiểm toán NSĐP năm 2020)				1,806,840,683	1,806,840,683
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSĐP năm 2020)			14,530,315,206		14,530,315,206
4	Thành phố Phan Thiết			40,786,132,253	2,172,277,574	42,958,409,827
	Giảm dự toán giảm thanh toán năm sau (Kiểm toán NSĐP năm 2020)			208,605,669	571,580,461	780,186,130
	Giảm giá trị hợp đồng (Kiểm toán NSĐP năm 2020)				488,975,476	488,975,476

	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSDP năm 2020)				1,111,721,637	1,111,721,637
5	Huyện Hàm Thuận Bắc			40,577,526,584	0	40,577,526,584
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSDP năm 2020)			40,577,526,584		40,577,526,584
6	Thị xã La Gi			43,165,201,013	270,894,210	43,436,095,223
	Giám dự toán giảm thanh toán năm sau (Kiểm toán NSDP năm 2016)			5,757,682,200		5,757,682,200
	Thu hồi kinh phí thừa (Kiểm toán NSDP năm 2020)			37,136,624,603		37,136,624,603
	Thu hồi nộp khác (Kiểm toán NSDP năm 2020)				270,894,210	270,894,210
7	Huyện Hàm Tân				17,101,103,600	17,101,103,600
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2020)				132,984,000	132,984,000
	Thu hồi kinh phí thừa (Kiểm toán NSDP năm 2020)				751,119,600	751,119,600
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSDP năm 2020)				16,217,000,000	16,217,000,000
8	Huyện Tuy Phong	420,800,000				420,800,000
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSDP năm 2011)	420,800,000				420,800,000
	Giám dự toán giảm thanh toán năm sau của Trung tâm y tế huyện Tuy Phong (Kiểm toán NSDP năm 2016)	265,073,580				265,073,580
9	Huyện Hàm Thuận Bắc	0		40,577,526,584		40,577,526,584
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSDP năm 2020)			40,577,526,584		40,577,526,584
10	Sở Y tế	0	200,865,183	15,426,485,043	22,960,759	15,650,310,985
	Giảm cấp phát, thanh toán các khoản chi sai chế độ (Kiểm toán NSDP năm 2018)		200,865,183			
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2020)				10,161,923	
	Giám dự toán giảm thanh toán năm sau (Kiểm toán NSDP năm 2020)				6,399,418	
	Giảm giá trị hợp đồng (Kiểm toán NSDP năm 2020)				6,399,418	
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSDP năm 2020)			15,426,485,043		
11	Sở Công Thương	646,230,000				646,230,000
	Chuyển quyết toán năm sau (Kiểm toán NSDP năm 2018)	646,230,000				646,230,000
12	Ban QLDA thị xã La Gi		169,255,516			169,255,516
	Giám dự toán giảm thanh toán năm sau (Kiểm toán NSDP năm 2018)		169,255,516			169,255,516
13	Ban QLDA huyện Tuy Phong		36,052,954			36,052,954
	Giảm giá trị hợp đồng (Kiểm toán NSDP năm 2018)		36,052,954			36,052,954
14	Ban QLDA Thành phố Phan Thiết				1,008,540,934	1,008,540,934

	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2020)				1,008,540,934	1,008,540,934
15	Ban QLDA huyện Tánh Linh				1,075,159,382	1,075,159,382
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2020)				1,075,159,382	1,075,159,382
16	Ban QLDA huyện Hàm Tân		198,502,710			198,502,710
	Giám dự toán giám thanh toán năm sau (Kiểm toán NSDP năm 2018)		198,502,710			198,502,710
17	Ban QLDA ĐTXD và Công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh		6,569,072,852	0	2,179,064,287	8,748,137,139
	Giảm giá trị hợp đồng (Kiểm toán NSDP năm 2018)		4,131,284,316			4,131,284,316
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2013)		156,745,786			156,745,786
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2011)		2,281,042,750			2,281,042,750
	Xử lý tài chính khác (Kiểm toán NSDP năm 2020)				2,179,064,287	2,179,064,287
18	Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh					
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2020)				33,011,802	
19	Ban QLDA ĐTXD Dân dụng và Công nghiệp				379,337,900	379,337,900
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2020)				112,168,900	112,168,900
	Giám dự toán giám thanh toán năm sau (Kiểm toán NSDP năm 2020)				267,169,000	267,169,000
20	Ban Quản lý Công trình Công cộng huyện Hàm Thuận Bắc				284,674,471	284,674,471
	Thu hồi nộp ngân sách khoản chi sai quy định (Kiểm toán NSDP năm 2020)				284,674,471	284,674,471